

議定

規定依勞動合同工作的勞工的最低薪資標準

根據2015/6/19《政府組織法》；2019/11/22修改、補充《政府組織法》和《地方政府組織法》若干條款的法典；

根據2019/11/20《勞動法》；

根據勞動榮軍與社會部部長的建議；

政府頒布規定依勞動合同工作的勞工的最低薪資額之議定。

第一條：調整範圍

本議定規定依勞動合同工作的勞工的最低月薪標準和最低時薪標準。

第二條：適用對象

- 根據勞動法的規定依勞動合同工作的勞工。
- 勞動法規定的僱主包括：
 - 企業法規定的企業。
 - 依協議僱用、聘用勞工為其工作的機關、組織、合作社、家庭戶和個人；若僱主為個人，則必須具備完全民事行為能力。
- 與執行本議定規定的最低薪資標註有關的其他機關、組織、個人。

第三條：最低薪資標準

- 根據地區，為僱主工作的勞工的最低月薪標準和最低時薪標準獲規定如下：

地區	最低月薪標準 (單位：越盾/月)	最低時薪標準 (單位：越盾/小時)
一類地區	4.960.000	23.800
二類地區	4.410.000	21.200

地區	最低月薪標準 (單位：越盾/月)	最低時薪標準 (單位：越盾/小時)
三類地區	3.860.000	18.600
四類地區	3.450.000	16.600

2. 一類、二類、三類、四類地區的清單獲規定於隨附本議定的附錄。

3. 地區的適用根據僱主經營地點確定如下：

- a) 在哪個地區經營的僱主就適用哪個地區規定的最低薪資標準。
- b) 若僱主在最低薪資標準不同的地區設有分支機構，則分支機構在哪個地區活動就適用哪個地區的最低薪資標準。
- c) 在不同最低薪資標準地區的工業區、出口加工區的僱主，則根據最低薪資標準最高的地區適用。
- d) 在更名或分割行政單位的地區經營的僱主，暫時適用更名或分割行政單位前地區規定的最低薪資最低薪資標準，直至政府作出新決定止。
- d) 在從一個地區或多個最低薪資標準不同的地區新設立地區經營的僱主，依照最低薪資標準最高的地區適用最低薪資標準。
- e) 在從一個地區或四類地區多個地區新設立的省轄市地區經營的僱主，適用隨附本議定附錄第3款規定的其餘省轄市最低薪資標準。

第四條：最低薪資標準的適用

1. 最低月薪標準是指作為與適用按月給付薪資形式的勞工協商和給付薪資的依據的最低薪資標準，確保當月有足夠的工作正常時間及完成勞動定額或約定的工作的勞工的工作、職位薪資額不低於最低月薪標準。
2. 最低時薪標準是指作為與適用按時間給付薪資形式的勞工協商和給付薪資的依據的最低薪資標準，確保在一個小時內工作及完成勞動定額或約定的工作的勞工的工作、職位薪資額不低於最低時薪標準。
3. 對於適用周薪或日薪或產品計件或承包方式給付薪資的勞工，若按月或小時兌換，這些給付薪資方式的薪資標準不得低於最低月薪標準或最低時薪標準。根據僱主依勞動法的規定選擇的正常工作時間的按月或小時兌換的薪資標準如下：
 - a) 按月兌換的薪資標準等於周薪標準乘以52周除以12個月；或日薪標準乘以當月正常工作天數；或當月正常工作時間內的產品計件、承包薪資標準。

b) 按時間兌換的薪資標準等於周薪、日期除以當周、當日正常工作時數；或產品計件、承包的薪資標準除以正常工作時間內生產產品、執行承包任務的工作時數。

第五條：效力與實施責任

1. 本議定自2024年7月1日起生效。

2. 政府於 2022/6/12規定關於按勞動合同工作的勞工的最低薪資標準之第38/2022/ND-CP號議定自2024/7/1起失效。

3. 在落實本議定規定的最低最低薪資標準，僱主負責對與勞工約定的勞動合同、勞動集體協議及僱主的規制、規定中的薪資給付制度進行重新審查，以作出適當的調整、補充。對於對勞工更有利的所約定、承諾的薪資給付內容（如從事工作、職位必須經過職業培訓、學藝的勞工的薪資必須至少高於最低薪資標準 7%的薪資給付制度；從事有繁重、毒害、危險勞動條件的工作、職位的勞工的薪資必須至少高於最低薪資標準5%；從事有特別繁重、毒害、危險勞動條件的工作、職位的勞工的薪資必須至少高於在正常勞動條件下復雜度相同的工作、職位的最低薪資標準7%），則可以繼續適用，除非各方另有約定。僱主不得取消或減少勞動法規定的加班薪、夜班薪制度、實物補償制度及其他制度。

各部級部長、副部長、政府下屬機關的副部長、中央直轄省、市人委會主席、僱主負責落實本議定。

收件處：

- 政黨中央秘書委員會；
- 政府總理、各副總理；
- 中央直轄省、市人民議會、人委會；
- 黨中央辦公室和各委會；
- 總秘書辦公室；
- 國家主席辦公室；
- 民族議會和過會各委員會；
- 國會辦公室；
- 人民最高法院；
- 人民最高檢察院；
- 國家審計；
- 國家財政監察委員會；
- 社會政策銀行；
- 越南發展銀行；
- 越南祖國陣線中央委員會；

代表政府

代總理簽

副總理

(已簽名蓋章)

黎明慨



- 各團體中央機關；
- 政府辦公室：部長兼主任、各副主任、總理助理、電子信息門戶、各委會、局、直屬單位、公報；
- 存檔：文書、KTTH (3)。

~ 恒利翻譯，謹供參考 ~



EVERWIN
SERVICE GROUP
恒利服務集團

23 Ni Su Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
熱 線: +84 933 341 688 微 信: everwinservice LINE: everwin888

附錄

2024年7月1日起適用最低薪資標準的地區清單

(隨附政府2024年6月30日第74/2024/ND-CP號議定)

1. 一類地區，包括以下地區：

- 河內市轄屬郡區、嘉林縣(Gia Lam)、東英縣(Dong Anh)、蓄山縣(Soc Son)、清馳縣(Thanh Tri)、常信縣(Thuong Tin)、懷德縣(Hoai Duc)、石室縣(Thach That)、國威縣(Quoc Oai)、清威縣(Thanh Oai)、糜玲縣(Me Linh)、章美縣(Chuong My)及山西市社(Son Tay)；
- 廣寧省的下龍市(Ha Long)、汪秘市(Uong Bi)、芒街市(Mong Cai)以及廣安市社(Quang Yen)和東潮市社(Dong Trieu)；
- 海防市轄屬郡區、水原縣(Thuy Nguyen)、安陽縣(An Duong)、安老縣(An Lao)、永保縣(Vinh Bao)、仙郎縣(Tien Lang)、吉海縣(Cat Hai)及建垂縣(Kien Thuy)；
- 海陽省轄屬海陽市(Hai Duong)；
- 胡志明市轄屬郡區、首德市(Thu Duc)、古芝縣(Cu Chi)、福門縣(Hoc Mon)、平政縣(Binh Chanh)及芽皮縣(Nha Be)；
- 同奈省轄屬邊和市(Bien Hoa)、隆慶市(Long Khanh)、仁澤縣(Nhon Trach)、隆城縣(Long Thanh)、永久縣(Vinh Cuu)、盞泵縣(Trang Bom)、春祿縣(Xuan Loc)、統一縣(Thong Nhat)；
- 平陽省轄屬土龍木市(Thu Dau Mot)、順安市(Thuan An)、逸安市(Di An)、新淵市(Tan Uyen)；濱葛市(Ben Cat)及保盤縣(Bau Bang)、北新淵縣(Bac Tan Uyen)、油聲(Dau Tieng)及富教(Phu Giao)；
- 巴地頭頓省轄屬頭頓市(Vung Tau)、富美市社(Phú Mỹ)。
- 隆安省轄屬新安市(Tan An)、德和縣(Duc Hoa)、濱瀝縣(Ben Luc)、芹玉縣(Can Giuoc)。

2. 二類地區，包括以下地區：

- 河內市轄屬其餘縣區；
- 老街省轄屬老街市(Lao Cai)；
- 太原省轄屬太原市(Thai Nguyen)、公河市(Song Cong)及普安市(Pho Yen)；
- 和平省轄屬和平市(Hoa Binh)、良山縣(Luong Son)；
- 富壽省轄屬越馳市(Viet Tri)；
- 北江省轄屬北江市(Bac Giang)、越安市社(Viet Yen)、安勇縣(Yen Dung)；
- 永福省轄屬永安市(Vinh Yen)、福安市(Phuc Yen)、平川縣(Binh Xuyen)及安樂縣(Yen Lac)；
- 北寧省轄屬北寧市(Bac Ninh)、慈山市(Tu Son)、順成市社(Thuan Thanh)、桂武市社(Que Vo)、仙瑜縣(Tien Du)、安豐縣(Yen Phong)、嘉平縣(Gia Binh)及良才縣(Luong Tai)；



- 興安省轄屬興安市(Hung Yen)、美豪市社(My Hao)、文林縣(Van Lam)、文江縣(Van Giang)及安美縣(Yen My)；
- 海陽省轄屬至靈市(Chi Linh)、京門市社(Kinh Mon)、錦讓縣(Cam Giang)、平江縣(Binh Giang)、肆祺縣(Tu Ky)、嘉祿縣(Gia Loc)、南策縣(Nam Sach)、金城縣(Kim Thanh)；
- 廣寧省轄屬錦普市(Cam Pha)；
- 海防市轄屬其餘縣區；
- 太平省轄屬太平市(Thai Binh)；
- 南定省轄屬南定市(Nam Dinh)及美祿縣(My Loc)；
- 寧平省轄屬寧平市(Ninh Binh)；
- 清化省轄屬清化市(Thanh Hoa)和岑山市(Sam Son)、扁山市社(Bim Son)和宜山市社(Nghi Son)；
- 義安省轄屬榮市(Vinh)、爐門市社(Cua Lo)、宜祿縣(Nghi Loc)和興元縣(Hung Nguyen)；
- 廣平省轄屬洞海市(Dong Hoi)；
- 承天順化省轄屬順化市(Hue)；
- 廣南省轄屬會安市(Hoi An)、三岐市(Tam Ky)；
- 峴港市轄屬各區、縣；
- 慶和省轄屬芽莊市(Nha Trang)、金蘭市(Cam Ranh)、寧和市社(Ninh Hoa)；
- 林同省轄屬大勒市(Da Lat)及保祿市(Bao Loc)；
- 平順省轄屬藩切市(Phan Thiet)；
- 胡志明市轄屬芹耶縣(Can Gio)；
- 西寧省轄市西寧市(Tay Ninh)、展鵬市社(Trang Bang)、和城市社(Hoa Thanh)及鵝油縣(Go Dau)；
- 同奈省轄屬定館縣(Dinh Quan)、新富縣(Tan Phu)、錦美縣(Cam My)；
- 平福省轄屬同帥市(Dong Xoai)、真誠市社(Chon Thanh)及同富縣(Dong Phu)；
- 巴地頭頓省轄屬巴地市(Ba Ria)；
- 隆安省轄屬守承縣(Thu Thua)、芹德縣(Can Duoc)及建祥市社(Kien Tuong)；
- 前江省轄屬美拖市(My Tho)及周城縣(Chau Thanh)；
- 芹苴市轄屬郡區；
- 堅江省轄屬迪石市(Rach Gia)、河仙市(Ha Tien)及富國市(Phu Quoc)；
- 安江省轄屬東川市(Long Xuyen)及朱篤市(Chau Doc)；



- 茶榮省轄屬茶榮市(Tra Vinh)；
- 朔莊省轄屬朔莊市(Soc Trang)；
- 薄寮省轄屬薄寮市(Bac Lieu)；
- 金甌省轄屬金甌市(Ca Mau)。

3. 三類地區，包括以下地區：

- 其餘各省轄屬市區(一類、二類地區所列省轄市除外)；
- 老街省轄屬沙巴市社(Sa Pa)及寶勝縣(Bao Thang)；
- 太原省轄屬富平縣(Phu Binh)、富良縣(Phu Luong)、同喜縣(Dong Hy)及大慈縣(Dai Tu)；
- 北江省轄屬協和縣(Hiep Hoa)、新安縣(Tan Yen)及諒江縣(Lang Giang)；
- 海陽省轄屬寧江縣(Ninh Giang)；青沔縣(Thanh Mien)、青河縣(Thanh Ha)；
- 富壽省轄屬富壽市社(Phu Tho)、符寧縣(Phu Ninh)、林操縣(Lam Thao)、清波縣(Thanh Ba)及三農縣(Tam Nong)；
- 永福省轄屬永祥縣(Vinh Tuong)、三島縣(Tam Dao)、三揚縣(Tam Duong)、立石縣(Lap Thach)及蘆江縣(Song Lo)；
- 廣寧省轄屬雲屯縣(Van Don)、海河縣(Hai Ha)、潭河縣(Dam Ha)及先安縣(Tien Yen)；
- 興安省(Hung Yen)轄屬其餘縣區；
- 太平省轄屬太瑞縣(Thai Thuy)及錢海縣(Tien Hai)；
- 南定省轄屬其餘縣區；
- 河南省轄屬維先市社(Duy Tien)及金榜縣(Kim Bang)；
- 寧平省轄屬嘉遠縣(Gia Vien)、安慶縣(Yen Khanh)及華鑪縣(Hoa Lu)；
- 清化省轄屬東山縣(Dong Son)、廣昌縣(Quang Xuong)、肇山縣(Trieu Son)、壽春縣(Tho Xuan)、安定縣(Yen Dinh)、永祿縣(Vinh Loc)、紹化縣(Thieu Hoa)、河中縣(Ha Trung)、厚祿縣(Hau Loc)、峨山縣(Nga Son)、弘化縣(Hoang Hoa)、農貢縣(Nong Cong)；
- 乂安省轄屬瓊瑠縣(Quynh Luu)、安城縣(Yen Thanh)、濱州縣(Dien Chau)、都梁縣(Do Luong)、南壇縣(Nam Dan)、義壇縣(Nghia Dan)、太和市社(Thai Hoa)、黃梅市社(Hoang Mai)；
- 河靜省轄屬祺英市社(Ky Anh)；
- 承天順化省轄屬香水市社(Huong Thuy)、香茶市社(Huong Tra)、富祿縣(Phu Loc)、豐田縣(Phong Dien)、廣田縣(Quang Dien)及富旺縣(Phu Vang)；
- 廣南省轄屬殿盤市社(Dien Ban)、大祿縣(Dai Loc)、維川縣(Duy Xuyen)、山城縣(Nui Thanh)、桂山縣(Que Son)、昇平縣(Thang Binh)及富寧(Phu Ninh)；

- 廣義省轄屬平山縣(Binh Son)及山靖縣(Son Tinh)；
- 富安省轄屬河橋市社(Song Cau)及東和市社(Dong Hoa)；
- 寧順省轄屬寧海縣(Ninh Hai)及順北縣(Thuan Bac) 及寧福縣(Ninh Phuoc)；
- 慶和省轄屬甘林縣(Cam Lam)、延慶縣(Dien Khanh)及萬寧縣(Van Ninh)；
- 崑崙省轄屬德河縣(Dak Ha)；
- 林同省轄屬德重縣(Duc Trong)及夷玲縣(Di Linh)；
- 平順省轄屬羅夷市社(La Gi)、咸順北縣(Ham Thuan Bac)及咸順南縣(Ham Thuan Nam)；
- 平福省轄屬福隆市社(Phuoc Long)、平隆市社(Binh Long)、漢廣縣(Hon Quan)、祿寧(Loc Ninh)及富沿(Phu Rieng)；
- 西寧省轄屬其餘縣區；
- 巴地頭頓省轄屬隆田縣(Long Dien)、紅土縣(Dat Do)、川木縣(Xuyen Moc)、周德縣(Chau Duc)及昆島縣(Con Dao)；
- 隆安省轄屬德惠縣(Duc Hue)、周城(Chau Thanh)、新柱縣(Tan Tru)及盛化縣(Thanh Hoa)；
- 前江省轄屬丐禮市社(Cai Lay)、米市縣(Cho Gao)及新福縣(Tan Phuoc)縣；
- 檳榔省轄屬巴知縣(Ba Tri)、平大縣(Binh Dai)、南梅祺縣(Mo Cay Nam)；
- 永隆省轄屬斌沔縣(Mang Thit)及隆湖縣(Long Ho)；
- 芹苴市轄屬縣區；
- 堅江省轄屬堅良縣(Kien Luong)、堅海縣(Kien Hai)及周城縣(Chau Thanh)；
- 安江省轄屬新州市社(Tan Chau)、周富縣(Chau Phu)、周城縣(Chau Thanh)及瑞山縣(Thoai Son)；
- 後江省轄屬周城縣(Chau Thanh)及周城A縣(Chau Thanh A)；
- 茶榮省轄屬沿海市社(Duyen Hai)；
- 薄寮省轄屬嘉萊市社(Gia Rai)及和平縣(Hoa Binh)；
- 蓄臻省轄屬永周市社(Vinh Chau)及五岔市社(Nga Nam)；
- 金甌省轄屬伍根縣(Nam Can)、蓋略縣(Cai Nuoc)、幽明縣(U Minh)及陳文時縣(Tran Van Thoi)；
- 廣平省轄屬麗水縣(Le Thuy)、廣寧縣(Quang Ninh)、布澤縣(Bo Trach)、廣澤縣(Quang Trach)及巴屯市社(Ba Don)。

4. 四類地區，包括其餘地區。

NGHỊ ĐỊNH

Quy định mức lương tối thiểu
đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định mức lương tối thiểu tháng và mức lương tối thiểu giờ áp dụng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động.

2. Người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động, bao gồm:

a) Doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

b) Cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có thuê mướn, sử dụng người lao động làm việc cho mình theo thỏa thuận; trường hợp người sử dụng lao động là cá nhân thì phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện mức lương tối thiểu quy định tại Nghị định này.

Điều 3. Mức lương tối thiểu

1. Quy định mức lương tối thiểu tháng và mức lương tối thiểu giờ đối với người lao động làm việc cho người sử dụng lao động theo vùng như sau:

Vùng	Mức lương tối thiểu tháng (Đơn vị: đồng/tháng)	Mức lương tối thiểu giờ (Đơn vị: đồng/giờ)
Vùng I	4.960.000	23.800
Vùng II	4.410.000	21.200
Vùng III	3.860.000	18.600
Vùng IV	3.450.000	16.600

2. Danh mục địa bàn vùng I, vùng II, vùng III, vùng IV được quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

3. Việc áp dụng địa bàn vùng được xác định theo nơi hoạt động của người sử dụng lao động như sau:

a) Người sử dụng lao động hoạt động trên địa bàn thuộc vùng nào thì áp dụng mức lương tối thiểu quy định đối với địa bàn đó.

b) Người sử dụng lao động có đơn vị, chi nhánh hoạt động trên các địa bàn có mức lương tối

thiếu khác nhau thì đơn vị, chi nhánh hoạt động ở địa bàn nào, áp dụng mức lương tối thiểu quy định đối với địa bàn đó.

c) Người sử dụng lao động hoạt động trong khu công nghiệp, khu chế xuất nằm trên các địa bàn có mức lương tối thiểu khác nhau thì áp dụng theo địa bàn có mức lương tối thiểu cao nhất.

d) Người sử dụng lao động hoạt động trên địa bàn có sự thay đổi tên gọi hoặc chia đơn vị hành chính thì tạm thời áp dụng mức lương tối thiểu quy định đối với địa bàn trước khi thay đổi tên gọi hoặc chia đơn vị hành chính cho đến khi Chính phủ có quy định mới.

đ) Người sử dụng lao động hoạt động trên địa bàn được thành lập mới từ một địa bàn hoặc nhiều địa bàn có mức lương tối thiểu khác nhau thì áp dụng mức lương tối thiểu theo địa bàn có mức lương tối thiểu cao nhất.

e) Người sử dụng lao động hoạt động trên địa bàn là thành phố trực thuộc tỉnh được thành lập mới từ một địa bàn hoặc nhiều địa bàn thuộc vùng IV thì áp dụng mức lương tối thiểu quy định đối với địa bàn thành phố trực thuộc tỉnh còn lại tại khoản 3 Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Điều 4. Áp dụng mức lương tối thiểu

1. Mức lương tối thiểu tháng là mức lương thấp nhất làm cơ sở để thỏa thuận và trả lương đối với người lao động áp dụng hình thức trả lương theo tháng, bảo đảm mức lương theo công việc hoặc chức danh của người lao động làm việc đủ thời giờ làm việc bình thường trong tháng và hoàn thành định mức lao động hoặc công việc đã thỏa thuận không được thấp hơn mức lương tối thiểu tháng.

2. Mức lương tối thiểu giờ là mức lương thấp nhất làm cơ sở để thỏa thuận và trả lương đối với người lao động áp dụng hình thức trả lương theo giờ, bảo đảm mức lương theo công việc hoặc chức danh của người lao động làm việc trong một giờ và hoàn thành định mức lao động hoặc công việc đã thỏa thuận không được thấp hơn mức lương tối thiểu giờ.

3. Đối với người lao động áp dụng hình thức trả lương theo tuần hoặc theo ngày hoặc theo sản phẩm hoặc lương khoán thì mức lương của các hình thức trả lương này nếu quy đổi theo tháng hoặc theo giờ không được thấp hơn mức lương tối thiểu tháng hoặc mức lương tối thiểu giờ. Mức lương quy đổi theo tháng hoặc theo giờ trên cơ sở thời giờ làm việc bình thường do người sử dụng lao động lựa chọn theo quy định của pháp luật lao động như sau:

a) Mức lương quy đổi theo tháng bằng mức lương theo tuần nhân với 52 tuần chia cho 12 tháng; hoặc mức lương theo ngày nhân với số ngày làm việc bình thường trong tháng; hoặc mức lương theo sản phẩm, lương khoán thực hiện trong thời giờ làm việc bình thường trong tháng.

b) Mức lương quy đổi theo giờ bằng mức lương theo tuần, theo ngày chia cho số giờ làm việc bình thường trong tuần, trong ngày; hoặc mức lương theo sản phẩm, lương khoán chia cho số giờ làm việc trong thời giờ làm việc bình thường để sản xuất sản phẩm, thực hiện nhiệm vụ khoán.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

2. Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

3. Khi thực hiện mức lương tối thiểu quy định tại Nghị định này, người sử dụng lao động có trách nhiệm rà soát lại các chế độ trả lương trong hợp đồng lao động đã thỏa thuận với người lao động, thỏa ước lao động tập thể và các quy chế, quy định của người sử dụng lao động để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. Đối với các nội dung trả lương đã thỏa thuận, cam kết mà có lợi hơn cho người lao động (như chế độ trả lương cho người lao động làm công việc hoặc chức danh đòi hỏi qua học tập, đào tạo nghề cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu và chế độ trả lương cho người lao động làm công việc hoặc chức danh có điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm cao hơn ít nhất 5%; công việc hoặc chức danh có điều kiện lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm cao hơn ít nhất 7% so với mức lương của công việc hoặc chức danh có độ phức tạp tương đương, làm việc trong điều kiện lao động bình thường) thì tiếp tục được thực hiện, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Người sử

dụng lao động không được xoá bỏ hoặc cắt giảm các chế độ tiền lương khi người lao động làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm, chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật và các chế độ khác theo quy định của pháp luật lao động.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và người sử dụng lao động chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2).

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Lê Minh Khái

Phụ lục
DANH MỤC ĐỊA BÀN ÁP DỤNG MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU
TỪ NGÀY 01 THÁNG 7 NĂM 2024
(Kèm theo Nghị định số 74/2024/NĐ-CP
ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ)

1. Vùng I, gồm các địa bàn:

- Các quận và các huyện Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn, Thanh Trì, Thường Tín, Hoài Đức, Thạch Thất, Quốc Oai, Thanh Oai, Mê Linh, Chương Mỹ và thị xã Sơn Tây thuộc thành phố Hà Nội;
- Các thành phố Hạ Long, Uông Bí, Móng Cái và các thị xã Quảng Yên, Đông Triều thuộc tỉnh Quảng Ninh;
- Các quận và các huyện Thủy Nguyên, An Dương, An Lão, Vĩnh Bảo, Tiên Lãng, Cát Hải, Kiến Thụy thuộc thành phố Hải Phòng;
- Thành phố Hải Dương thuộc tỉnh Hải Dương;
- Các quận, thành phố Thủ Đức và các huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè thuộc Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các thành phố Biên Hòa, Long Khánh và các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom, Xuân Lộc, Thống Nhất thuộc tỉnh Đồng Nai;
- Các thành phố Thủ Dầu Một, Thuận An, Dĩ An, Tân Uyên, Bến Cát và các huyện Bàu Bàng, Bắc Tân Uyên, Dầu Tiếng, Phú Giáo thuộc tỉnh Bình Dương;
- Thành phố Vũng Tàu, thị xã Phú Mỹ thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Thành phố Tân An và các huyện Đức Hòa, Bến Lức, Cần Giuộc thuộc tỉnh Long An.

2. Vùng II, gồm các địa bàn:

- Các huyện còn lại thuộc thành phố Hà Nội;
- Thành phố Lào Cai thuộc tỉnh Lào Cai;
- Các thành phố Thái Nguyên, Sông Công và Phổ Yên thuộc tỉnh Thái Nguyên;
- Thành phố Hoà Bình và huyện Lương Sơn thuộc tỉnh Hòa Bình;
- Thành phố Việt Trì thuộc tỉnh Phú Thọ;
- Thành phố Bắc Giang, thị xã Việt Yên và huyện Yên Dũng thuộc tỉnh Bắc Giang;
- Các thành phố Vĩnh Yên, Phúc Yên và các huyện Bình Xuyên, Yên Lạc thuộc tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các thành phố Bắc Ninh, Từ Sơn; các thị xã Thuận Thành, Quế Võ và các huyện Tiên Du, Yên Phong, Gia Bình, Lương Tài thuộc tỉnh Bắc Ninh;
- Thành phố Hưng Yên, thị xã Mỹ Hào và các huyện Văn Lâm, Văn Giang, Yên Mỹ thuộc tỉnh Hưng Yên;
- Thành phố Chí Linh, thị xã Kinh Môn và các huyện Cẩm Giàng, Bình Giang, Tứ Kỳ, Gia Lộc, Nam Sách, Kim Thành thuộc tỉnh Hải Dương;
- Thành phố Cẩm Phả thuộc tỉnh Quảng Ninh;
- Các huyện còn lại thuộc thành phố Hải Phòng;
- Thành phố Thái Bình thuộc tỉnh Thái Bình;
- Thành phố Nam Định và huyện Mỹ Lộc thuộc tỉnh Nam Định;
- Thành phố Ninh Bình thuộc tỉnh Ninh Bình;

- Các thành phố Thanh Hóa, Sầm Sơn và các thị xã Bỉm Sơn, Nghi Sơn thuộc tỉnh Thanh Hóa;
 - Thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò và các huyện Nghi Lộc, Hưng Nguyên thuộc tỉnh Nghệ An;
 - Thành phố Đồng Hới thuộc tỉnh Quảng Bình;
 - Thành phố Huế thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế;
 - Các thành phố Hội An, Tam Kỳ thuộc tỉnh Quảng Nam;
 - Các quận, huyện thuộc thành phố Đà Nẵng;
 - Các thành phố Nha Trang, Cam Ranh và thị xã Ninh Hòa thuộc tỉnh Khánh Hòa;
 - Các thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc thuộc tỉnh Lâm Đồng;
 - Thành phố Phan Thiết thuộc tỉnh Bình Thuận;
 - Huyện Cần Giờ thuộc Thành phố Hồ Chí Minh;
 - Thành phố Tây Ninh, các thị xã Trảng Bàng, Hòa Thành và huyện Gò Dầu thuộc tỉnh Tây Ninh;
 - Các huyện Định Quán, Tân Phú, Cẩm Mỹ thuộc tỉnh Đồng Nai;
 - Thành phố Đồng Xoài, thị xã Chơn Thành và huyện Đồng Phú thuộc tỉnh Bình Phước;
 - Thành phố Bà Rịa thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
 - Các huyện Thủ Thừa, Cần Đước và thị xã Kiến Tường thuộc tỉnh Long An;
 - Thành phố Mỹ Tho và huyện Châu Thành thuộc tỉnh Tiền Giang;
 - Thành phố Bến Tre và huyện Châu Thành thuộc tỉnh Bến Tre;
 - Thành phố Vĩnh Long và thị xã Bình Minh thuộc tỉnh Vĩnh Long;
 - Các quận thuộc thành phố Cần Thơ;
 - Các thành phố Rạch Giá, Hà Tiên, Phú Quốc thuộc tỉnh Kiên Giang;
 - Các thành phố Long Xuyên, Châu Đốc thuộc tỉnh An Giang;
 - Thành phố Trà Vinh thuộc tỉnh Trà Vinh;
 - Thành phố Sóc Trăng thuộc tỉnh Sóc Trăng;
 - Thành phố Bạc Liêu thuộc tỉnh Bạc Liêu;
 - Thành phố Cà Mau thuộc tỉnh Cà Mau.
3. Vùng III, gồm các địa bàn:
- Các thành phố trực thuộc tỉnh còn lại (trừ các thành phố trực thuộc tỉnh nêu tại vùng I, vùng II);
 - Thị xã Sa Pa, huyện Bảo Thắng thuộc tỉnh Lào Cai;
 - Các huyện Phú Bình, Phú Lương, Đồng Hỷ, Đại Từ thuộc tỉnh Thái Nguyên;
 - Các huyện Hiệp Hòa, Tân Yên, Lạng Giang thuộc tỉnh Bắc Giang;
 - Các huyện Ninh Giang, Thanh Miện, Thanh Hà thuộc tỉnh Hải Dương;
 - Thị xã Phú Thọ và các huyện Phù Ninh, Lâm Thao, Thanh Ba, Tam Nông thuộc tỉnh Phú Thọ;
 - Các huyện Vĩnh Tường, Tam Đảo, Tam Dương, Lập Thạch, Sông Lô thuộc tỉnh Vĩnh Phúc;
 - Các huyện Vân Đồn, Hải Hà, Đầm Hà, Tiên Yên thuộc tỉnh Quảng Ninh;
 - Các huyện còn lại thuộc tỉnh Hưng Yên;
 - Các huyện Thái Thụy, Tiền Hải thuộc tỉnh Thái Bình;

- Các huyện còn lại thuộc tỉnh Nam Định;
- Thị xã Duy Tiên và huyện Kim Bảng thuộc tỉnh Hà Nam;
- Các huyện Gia Viễn, Yên Khánh, Hoa Lư thuộc tỉnh Ninh Bình;
- Các huyện Đông Sơn, Quảng Xương, Triệu Sơn, Thọ Xuân, Yên Định, Vĩnh Lộc, Thiệu Hóa, Hà Trung, Hậu Lộc, Nga Sơn, Hoằng Hóa, Nông Cống thuộc tỉnh Thanh Hóa;
- Các huyện Quỳnh Lưu, Yên Thành, Diễn Châu, Đô Lương, Nam Đàn, Nghĩa Đàn và các thị xã Thái Hòa, Hoàng Mai thuộc tỉnh Nghệ An;
- Thị xã Kỳ Anh thuộc tỉnh Hà Tĩnh;
- Các thị xã Hương Thủy, Hương Trà và các huyện Phú Lộc, Phong Điền, Quảng Điền, Phú Vang thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Thị xã Điện Bàn và các huyện Đại Lộc, Duy Xuyên, Núi Thành, Quế Sơn, Thăng Bình, Phú Ninh thuộc tỉnh Quảng Nam;
- Các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh thuộc tỉnh Quảng Ngãi;
- Các thị xã Sông Cầu, Đông Hòa thuộc tỉnh Phú Yên;
- Các huyện Ninh Hải, Thuận Bắc, Ninh Phước thuộc tỉnh Ninh Thuận;
- Các huyện Cam Lâm, Diên Khánh, Vạn Ninh thuộc tỉnh Khánh Hòa;
- Huyện Đăk Hà thuộc tỉnh Kon Tum;
- Các huyện Đức Trọng, Di Linh thuộc tỉnh Lâm Đồng;
- Thị xã La Gi và các huyện Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam thuộc tỉnh Bình Thuận;
- Các thị xã Phước Long, Bình Long và các huyện Hớn Quản, Lộc Ninh, Phú Riềng thuộc tỉnh Bình Phước;
- Các huyện còn lại thuộc tỉnh Tây Ninh;
- Các huyện Long Điền, Đất Đỏ, Xuyên Mộc, Châu Đức, Côn Đảo thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Các huyện Đức Huệ, Châu Thành, Tân Trụ, Thạnh Hóa thuộc tỉnh Long An;
- Thị xã Cai Lậy và các huyện Chợ Gạo, Tân Phước thuộc tỉnh Tiền Giang;
- Các huyện Ba Tri, Bình Đại, Mỏ Cày Nam thuộc tỉnh Bến Tre;
- Các huyện Mang Thít, Long Hồ thuộc tỉnh Vĩnh Long;
- Các huyện thuộc thành phố Cần Thơ;
- Các huyện Kiên Lương, Kiên Hải, Châu Thành thuộc tỉnh Kiên Giang;
- Thị xã Tân Châu và các huyện Châu Phú, Châu Thành, Thoại Sơn thuộc tỉnh An Giang;
- Các huyện Châu Thành, Châu Thành A thuộc tỉnh Hậu Giang;
- Thị xã Duyên Hải thuộc tỉnh Trà Vinh;
- Thị xã Giá Rai và huyện Hòa Bình thuộc tỉnh Bạc Liêu;
- Các thị xã Vĩnh Châu, Ngã Năm thuộc tỉnh Sóc Trăng;
- Các huyện Năm Căn, Cái Nước, U Minh, Trần Văn Thời thuộc tỉnh Cà Mau;
- Các huyện Lệ Thủy, Quảng Ninh, Bố Trạch, Quảng Trạch và thị xã Ba Đồn thuộc tỉnh Quảng Bình.

4. Vùng IV, gồm các địa bàn còn lại.